

QUY CHẾ

Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2026 thuộc Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CDYT ngày tháng năm 2026 của
Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi

Quy chế này quy định việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2026 được áp dụng trong phạm vi Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Viên chức đang giữ chức danh nghề nghiệp như sau:

- Giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (mã số V.09.02.02)
- Giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (mã số V.09.02.03)
- Cán sự (Mã số 01.004)

Điều 2. Nguyên tắc

1. Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải căn cứ vào vị trí việc làm, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và phù hợp với cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của Trường Cao đẳng Y tế Đồng Nai đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Đảm bảo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục và quy định của pháp luật về xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức.

3. Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp nếu Trường có nhu cầu và đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật.

4. Kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp được tổ chức theo nguyên tắc bình đẳng, công bằng, công khai, minh bạch, khách quan và đúng các quy định của pháp luật.

Điều 3. Tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng

1. Tiêu chuẩn, điều kiện chung

Viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện được quy định tại khoản 16, Điều 1, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2023 của Chính phủ. Cụ thể:

1. Viên chức được đăng ký dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề khi đáp ứng đủ các tiêu chuẩn, điều kiện sau:

a) Được xếp loại chất lượng ở mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên trong năm công tác liền kề trước năm dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp tốt; không trong thời hạn xử lý kỷ luật; không trong thời gian thực hiện các quy định liên quan đến kỷ luật theo quy định của Đảng và của pháp luật;

b) Có năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ để đảm nhận chức danh nghề nghiệp ở hạng cao hơn liền kề hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ trong cùng lĩnh vực nghề nghiệp;

c) Đáp ứng yêu cầu về văn bằng, chứng chỉ và yêu cầu khác của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng theo quy định.

Trường hợp tại thời điểm xét thăng hạng mà Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành chưa ban hành quy định nội dung, chương trình, hình thức, thời gian bồi dưỡng theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định 115/2020/NĐ-CP thì không phải đáp ứng yêu cầu về chứng chỉ bồi dưỡng chức danh nghề nghiệp; viên chức được xét thăng hạng được coi là đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của hạng được xét;

d) Đáp ứng yêu cầu về thời gian công tác tối thiểu giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề theo yêu cầu của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng, trừ trường hợp xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp mà chức danh nghề nghiệp đó theo quy định tại thời điểm xét không có hạng dưới liền kề.

- Trường hợp viên chức trước khi được tuyển dụng, tiếp nhận đã có thời gian công tác (không tính thời gian tập sự theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định 115/2020/NĐ-CP) theo đúng quy định của pháp luật, có đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, làm việc ở vị trí việc làm có yêu cầu về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp (nếu có thời gian công tác không liên tục mà chưa nhận trợ cấp bảo hiểm xã hội một lần thì được cộng dồn) và thời gian đó được tính làm căn cứ xếp lương ở chức danh nghề nghiệp hiện giữ thì được tính là tương đương với hạng chức danh nghề nghiệp hiện giữ.

- Trường hợp tính thời gian tương đương thì phải có thời gian giữ chức danh nghề nghiệp hạng dưới liền kề so với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét ít nhất 12 tháng tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

2. Ngoài tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm 1, khoản 16, Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP, Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành có trách nhiệm quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng đối với trường hợp thăng lên hạng II và hạng I thuộc ngành, lĩnh vực quản lý gắn với yêu cầu của vị trí việc làm tương ứng với hạng chức danh nghề nghiệp dự xét, bảo đảm yêu cầu nâng cao chất lượng đội ngũ và quyền lợi của viên chức.

Đối với viên chức hạng IV được xét thăng lên hạng chức danh nghề nghiệp cao hơn liền kề nếu đang làm công việc ở vị trí việc làm phù hợp với chức danh nghề nghiệp được xét và đáp ứng được tiêu chuẩn, điều kiện xét theo quy định tại điểm 1, khoản 16, Điều 1 Nghị định 85/2023/NĐ-CP.

2. Tiêu chuẩn, điều kiện cụ thể:

2.1. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với viên chức dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp lên giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp (Mã số: V.09.02.01)

2.1.1. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của viên chức

a) Tâm huyết với nghề, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, danh dự, uy tín, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, chân thành, thân ái, giúp đỡ đối với đồng nghiệp; có lòng bao dung, mẫu mực, trách nhiệm, yêu thương đối với học sinh, sinh viên, học viên (sau đây gọi chung là người học); bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng;

b) Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, của ngành;

c) Có trách nhiệm trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

d) Đáp ứng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác của viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 53 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2.1.2. Tiêu chuẩn về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

2.1.3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giảng viên dạy lý thuyết có bằng tiến sĩ; giảng viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng thạc sĩ trở lên và có văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn về kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

b) Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

2.1.4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Nắm vững kiến thức chuyên sâu về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức chuyên sâu về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy; có khả năng đánh giá, tổng kết các kinh nghiệm, phương pháp giảng dạy để phổ biến cho các giảng viên, giáo viên áp dụng;

c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp theo yêu cầu vị trí việc làm;

d) Năm vững phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, giáo dục nghề nghiệp và công nghệ; biết chỉ đạo, tổ chức nghiên cứu khoa học, ứng dụng nhưng kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

đ) Chủ biên 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách chuyên khảo phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy hoặc tham gia biên soạn 02 (hai) giáo trình, sách chuyên khảo phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy đã được xuất bản;

e) Chủ trì thực hiện 02 (hai) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hoặc 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cao hơn đã nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên hoặc là tác giả chính của 02 (hai) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế hoặc trong nước (trong danh mục có tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước);

g) Đạt giải ba trở lên trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp toàn quốc hoặc Hội giảng giáo viên dạy nghề cấp quốc gia hoặc Hội thi giáo viên dạy giỏi trung cấp chuyên nghiệp toàn quốc (sau đây gọi chung là Hội giảng toàn quốc) hoặc chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học đạt giải ba trở lên tại Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc hoặc Hội thi thiết bị đào tạo tự làm toàn quốc (sau đây gọi chung là Hội thi thiết bị tự làm toàn quốc) hoặc đạt giải ba trở lên trong các cuộc thi, kỳ thi về kỹ năng nghề, khoa học, công nghệ kỹ thuật, văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao (sau đây gọi chung là cuộc thi, kỳ thi khác) cấp quốc gia hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) giảng viên, giáo viên đạt giải trong Hội giảng toàn quốc hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) người học đạt giải trong cuộc thi, kỳ thi khác cấp quốc gia trở lên hoặc tương đương;

Trường hợp viên chức không đạt 01 (một) trong 03 (ba) tiêu chuẩn quy định tại điểm đ, điểm e và điểm g khoản này thì 01 (một) trong 02 (hai) tiêu chuẩn còn lại phải đạt gấp 02 (hai) lần;

h) Viên chức thăng hạng lên chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp cao cấp phải có thời gian công tác giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính - Mã số V.09.02.02 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số V.09.02.02 hoặc giảng viên chính - Mã số 15.110 hoặc giáo viên trung học cao cấp - Mã số 15.112 hoặc giảng viên chính (hạng II) - Mã số V.07.01.02 hoặc tương đương từ đủ 06 (sáu) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính - Mã số V.09.02.02 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (hạng II) - Mã số V.09.02.02 tối thiểu là 01 (một) năm (đủ 12 tháng).

2.2. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với viên chức dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính (mã số V.09.02.02)

2.2.1. Tiêu chuẩn về đạo đức nghề nghiệp của viên chức

a) Tâm huyết với nghề, giữ gìn phẩm chất, đạo đức, danh dự, uy tín, lương tâm nhà giáo; có tinh thần đoàn kết, chân thành, thân ái, giúp đỡ đối với đồng nghiệp; có lòng bao dung, mẫu mực, trách nhiệm, yêu thương đối với học sinh, sinh viên, học viên (sau đây gọi chung là người học); bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng;

b) Tận tụy với công việc; thực hiện đúng điều lệ, quy chế, nội quy của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, của ngành;

c) Có trách nhiệm trong giảng dạy và giáo dục, đánh giá đúng thực chất năng lực của người học; thực hành tiết kiệm, chống bệnh thành tích, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực;

d) Đáp ứng các tiêu chuẩn đạo đức nghề nghiệp khác của viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp quy định tại khoản 4 Điều 53 Luật Giáo dục nghề nghiệp.

2.2.2. Tiêu chuẩn về chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp

Có chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành giáo dục nghề nghiệp.

2.2.3. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Giảng viên dạy lý thuyết có bằng thạc sĩ trở lên; giảng viên vừa dạy lý thuyết vừa dạy thực hành có bằng cử nhân hoặc văn bằng trình độ tương đương trở lên, phù hợp với ngành, nghề giảng dạy và có văn bằng, chứng chỉ, chứng nhận đáp ứng tiêu chuẩn về kỹ năng nghề để dạy thực hành trình độ cao đẳng theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp;

b) Có văn bằng, chứng chỉ đáp ứng tiêu chuẩn về trình độ nghiệp vụ sư phạm theo quy định chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp.

2.2.4. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Có kiến thức chuyên sâu về ngành, nghề được phân công giảng dạy; có kiến thức về ngành, nghề liên quan; có hiểu biết về thực tiễn nghề nghiệp, những tiến bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ mới của ngành, nghề được phân công giảng dạy;

b) Nắm vững kiến thức về nghiệp vụ sư phạm, vận dụng thành thạo các kỹ năng, phương pháp sư phạm vào giảng dạy;

c) Có năng lực sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện các nhiệm vụ của chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính theo yêu cầu vị trí việc làm;

d) Nắm vững phương pháp nghiên cứu khoa học về giáo dục, giáo dục nghề nghiệp; biết tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, ứng dụng những kết quả nghiên cứu, các tiến bộ khoa học kỹ thuật hoặc sáng kiến, cải tiến kỹ thuật vào giảng dạy và thực tiễn nghề nghiệp;

đ) Chủ biên hoặc tham gia biên soạn 01 (một) giáo trình hoặc 01 (một) sách chuyên khảo hoặc 02 (hai) chương trình đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với ngành, nghề được phân công giảng dạy đã xuất bản;

e) Chủ trì thực hiện 01 (một) nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở trở lên đã được nghiệm thu với kết quả đạt yêu cầu trở lên hoặc là tác giả chính của 01 (một) bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế hoặc trong nước (trong danh mục có tính điểm của Hội đồng Giáo sư Nhà nước);

g) Đạt giải ba trở lên trong Hội giảng nhà giáo giáo dục nghề nghiệp cấp tỉnh, cấp bộ, cấp toàn quốc hoặc Hội giảng giáo viên dạy nghề cấp tỉnh hoặc Hội thi giáo viên dạy giỏi trung cấp chuyên nghiệp cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Hội giảng cấp tỉnh), cấp toàn quốc hoặc chủ trì hoặc tham gia thiết kế, chế tạo ít nhất 01 (một) đồ dùng, thiết bị dạy học đạt giải ba trở lên trong Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm, Hội thi thiết bị đào tạo tự làm cấp tỉnh (sau đây gọi chung là Hội thi thiết bị tự làm cấp tỉnh) hoặc đạt giải ba trở lên trong các cuộc thi, kỳ thi khác cấp tỉnh hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) giảng viên, giáo viên đạt giải trong Hội giảng cấp tỉnh, cấp toàn quốc hoặc bồi dưỡng được ít nhất 02 (hai) người học đạt giải trong cuộc thi, kỳ thi khác cấp tỉnh hoặc tương đương trở lên;

- Trường hợp viên chức không đạt 01 (một) trong 03 (ba) tiêu chuẩn quy định tại điểm đ, điểm e và điểm g khoản này thì 01 (một) trong 02 (hai) tiêu chuẩn còn lại phải đạt gấp 02 (hai) lần;

h) Viên chức thăng hạng lên chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp chính phải có thời gian công tác giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành - Mã số V.09.02.04 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số V.09.02.04 hoặc giảng viên - Mã số 15.111 hoặc giáo viên trung học - Mã số 15.113 hoặc giảng viên (hạng III) - Mã số V.07.01.03 hoặc giáo viên trung học (chưa đạt chuẩn) - Mã số 15c.207 hoặc tương đương từ đủ 09 (chín) năm trở lên, trong đó thời gian gần nhất giữ chức danh giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp lý thuyết (hạng III) - Mã số V.09.02.03 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành - Mã số V.09.02.04 hoặc giảng viên giáo dục nghề nghiệp thực hành (hạng III) - Mã số V.09.02.04 tối thiểu là 01 (một) năm (đủ 12 tháng).

2.3. Tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp cán sự (01.004) sang chuyên viên (01.003)

2.3.1. Tiêu chuẩn về trình độ đào tạo, bồi dưỡng

a) Có bằng tốt nghiệp đại học trở lên với ngành hoặc chuyên ngành đào tạo phù hợp với ngành, lĩnh vực công tác;

b) Có chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng quản lý nhà nước đối với công chức ngạch chuyên viên và tương đương.

2.3.2. Tiêu chuẩn về năng lực chuyên môn, nghiệp vụ

a) Năm vững đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật về ngành, lĩnh vực công tác, các mục tiêu và đối tượng quản lý, hệ thống các nguyên tắc và cơ chế quản lý nghiệp vụ thuộc phạm vi công tác;

b) Có khả năng tham gia xây dựng và hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, quy định về quản lý nhà nước thuộc ngành, lĩnh vực hoặc địa phương công tác; có khả năng tham gia nghiên cứu phục vụ quản lý và xử lý thông tin quản lý;

c) Có năng lực làm việc độc lập hoặc phối hợp theo nhóm; có kỹ năng soạn thảo văn bản và thuyết trình các vấn đề được tham mưu, đề xuất;

d) Có kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng được ngoại ngữ theo yêu cầu của vị trí việc làm.

đ) Viên chức dự xét thăng hạng lên chức danh nghề nghiệp chuyên viên có thời gian giữ ngạch cán sự và tương đương từ đủ 03 năm trở lên (không kể thời gian tập sự, thử việc). Trường hợp có thời gian tương đương với ngạch cán sự thì thời gian giữ ngạch cán sự tối thiểu 01 năm (Đủ 12 tháng) tính đến ngày hết thời hạn nộp hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng.

Điều 4. Nội dung và hình thức xét thăng hạng

Việc xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp; đảm bảo đúng nguyên tắc, tiêu chuẩn, khách quan, công bằng.

1. Nội dung: Xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện thông qua Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức xem xét, đánh giá việc đáp ứng các yêu cầu về tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 32 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP (đã được sửa đổi theo quy định tại khoản 16 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP) đối với viên chức dự xét thăng hạng.

2. Hình thức: Thẩm định hồ sơ dự xét theo quy định về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp của chức danh dự xét thăng hạng.

Nếu kết quả thẩm định hồ sơ xác định rõ viên chức không có đủ thành phần hồ sơ, không có đủ tiêu chuẩn, điều kiện dự xét thăng hạng theo quy định: được xác định là không trúng tuyển.

Điều 5. Xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng

Theo quy định tại Khoản 20 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP ngày 07/12/2024 của Chính phủ (sửa đổi, bổ sung Điều 40 Nghị định 115/2020/NĐ-CP cụ thể:

1. Viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng là người đáp ứng đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 32, Nghị định số 85/2023/NĐ-CP, được người đứng đầu cơ quan, đơn vị tổ chức xét thăng hạng công nhận kết quả trúng tuyển kỳ xét thăng hạng.

2. Trường hợp Nhà trường có số lượng viên chức dự xét thăng hạng nhiều hơn số chỉ tiêu thăng hạng đã được phê duyệt thì việc xác định viên chức trúng tuyển xét thăng hạng thực hiện theo thứ tự ưu tiên sau:

a) Viên chức có thành tích cao hơn trong hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

b) Viên chức là nữ;

c) Viên chức là người dân tộc thiểu số;

d) Viên chức nhiều tuổi hơn (tính theo ngày, tháng, năm sinh);

đ) Viên chức có thời gian công tác nhiều hơn.

3. Trường hợp không xác định được người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng viên chức thì người đứng đầu đơn vị có văn bản báo cáo với người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức và quyết định người trúng tuyển theo ý kiến của người đứng đầu cơ quan, đơn vị quản lý viên chức.

Điều 6. Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng của viên chức

Hồ sơ được đựng trong túi bìa cứng có kích thước từ trên 250 x 340 mm, bên ngoài ghi rõ: Hồ sơ đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2026, họ tên, số điện thoại của người đăng ký xét thăng hạng, liệt kê đầy đủ danh mục các giấy tờ có trong hồ sơ.

Hồ sơ sắp xếp theo đúng thứ tự sau đây, bao gồm:

1. Đơn đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp (*theo mẫu*);
2. Sơ yếu lý lịch viên chức theo quy định hiện hành được lập chậm nhất là 30 ngày trước thời hạn cuối cùng nộp hồ sơ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, có xác nhận của cơ quan, đơn vị sử dụng viên chức (*theo mẫu HS02-VC/BNV ban hành kèm theo Thông tư 07/2019/TT-BNV*);
3. Bản nhận xét, đánh giá của Hiệu trưởng về các tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp của viên chức theo quy định;
4. Bản sao các văn bằng, chứng chỉ theo yêu cầu của chức danh nghề nghiệp dự xét thăng hạng.

Trường hợp yêu cầu về ngoại ngữ ở hạng chức danh nghề nghiệp xét thăng hạng không có sự thay đổi số với yêu cầu ở hạng chức danh nghề nghiệp đang giữ thì không phải nộp chứng chỉ ngoại ngữ.

Trường hợp có một trong các văn bằng, chứng chỉ theo khoản 3, Điều 9 Nghị định 115/2020/NĐ-CP (được bổ sung tại Nghị định 85/2023/NĐ-CP) thì được sử dụng thay thế chứng chỉ ngoại ngữ.

5. Các yêu cầu khác theo quy định của tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dự xét:

Bản công chứng các Quyết định công nhận mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025, Quyết định công nhận kết quả tuyển dụng viên chức hoặc quyết định tuyển dụng của Trường, Quyết định bổ nhiệm ngạch/chức danh nghề nghiệp; Quyết định thay đổi chức danh nghề nghiệp viên chức, Quyết định hoặc biên bản nghiệm thu đề tài, bài báo khoa học, quyết định nâng lương hiện hưởng, bằng khen, giấy khen hoặc Quyết định công nhận giải thưởng trong các hội thi, hội giảng...

Chương II

HỘI ĐỒNG XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

Điều 7. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

1. Thành lập Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.
 - a) Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (sau đây gọi chung là Hội đồng) do Hiệu trưởng quyết định thành lập. Hội đồng hoạt động trong 01 kỳ xét thăng hạng và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.
 - b) Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại khoản 2, Điều 38 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP đã được sửa đổi tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 85/2023/NĐ-CP.

c) Hội đồng được sử dụng con dấu, tài khoản của của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thành lập hoặc của cơ quan tham mưu trực tiếp trong các hoạt động của Hội đồng, do người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thành lập Hội đồng quyết định. Hội đồng quyết định cụ thể công tác tổ chức xét thăng hạng CDNN.

d) Không bố trí những người có quan hệ là cha, mẹ, anh, chị, em ruột của người dự xét thăng hạng hoặc của bên vợ (chồng) của người dự xét thăng hạng; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người dự xét thăng hạng hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp, thành viên các bộ phận giúp việc của Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp.

2. Thành phần tham gia Hội đồng: Hội đồng gồm 05 thành viên

a) Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Hành chính Tổng hợp.

c) 03 uỷ viên là lãnh đạo các phòng, khoa hoặc bộ môn, có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm nghiệp vụ liên quan.

d) 01 uỷ viên kiêm thư ký Hội đồng là chuyên viên Phòng Hành chính Tổng hợp.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm của thành viên tham gia Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức

3.1. Chủ tịch Hội đồng:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước người đứng đầu của Hội đồng và chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của hội đồng bảo đảm đúng nội quy, quy chế theo quy định.

b) Phân công cụ thể cho từng thành viên của Hội đồng.

c) Được ủy quyền cho Phó chủ tịch Hội đồng thực hiện các quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng theo quy định.

d) Báo cáo Hiệu trưởng đề nghị cơ quan thẩm quyền công nhận kết quả xét thăng hạng.

đ) Giải quyết kiến nghị, khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức kỳ xét thăng hạng (nếu có).

3.2. Phó Chủ tịch Hội đồng: Giúp Chủ tịch Hội đồng điều hành hoạt động của Hội đồng và thực hiện nhiệm vụ cụ thể theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Hội đồng về nhiệm vụ được phân công.

3.3. Ủy viên Hội đồng: Thực hiện nhiệm vụ cụ thể do Chủ tịch Hội đồng phân công, bảo đảm hoạt động của Hội đồng thực hiện đúng quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Hội đồng về nhiệm vụ được phân công.

3.4. Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng: Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch Hội đồng về các nhiệm vụ được phân công sau đây:

a) Chuẩn bị các tài liệu phục vụ cho hoạt động của Hội đồng; ghi biên bản các cuộc họp của Hội đồng; chuẩn bị các tài liệu có liên quan đến viên chức dự xét thăng hạng phục vụ cho hoạt động của kỳ thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức và các mẫu biểu, tài liệu khác liên quan đến hoạt động của Hội đồng.

b) Tổng hợp, báo cáo với Hội đồng xét thăng hạng kết quả xét thăng hạng.

c) Thực hiện các nhiệm vụ khác theo phân công của Chủ tịch Hội đồng.

Điều 8. Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng.

1. Ban Giám sát kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (sau đây gọi tắt là Ban giám sát) do Hiệu trưởng thành lập, gồm Trưởng ban giám sát, Phó Trưởng ban giám sát, thành viên ban giám sát và thành viên kiêm Thư ký ban giám sát.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban Ban giám sát: Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Hiệu trưởng trong quá trình thực hiện giám sát việc tổ chức xét của Hội đồng theo quy định của pháp luật; phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban giám sát và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều này.

3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Phó Trưởng ban Ban giám sát: Giúp Trưởng ban giám sát điều hành một số hoạt động của Ban giám sát theo sự phân công của Trưởng ban giám sát; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Trưởng ban giám sát về nhiệm vụ được phân công.

4. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Ban giám sát.

a) Thực hiện nhiệm vụ giám sát theo phân công của Trưởng ban Ban giám sát; báo cáo Trưởng ban Ban giám sát về kết quả giám sát và chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Trưởng ban Ban giám sát về nhiệm vụ được phân công.

b) Thành viên Ban giám sát được quyền vào phòng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức trong thời gian tổ chức thẩm định; có quyền nhắc nhở thành viên thẩm định hồ sơ, các thành viên khác Hội đồng xét thăng hạng trong việc thực hiện nội quy, quy chế.

c) Thành viên Ban giám sát được quyền lập biên bản trong trường hợp thành viên Hội đồng xét thăng hạng vi phạm nội quy, quy chế và đề nghị Hiệu trưởng xem xét, xử lý hành vi vi phạm đó theo quy định của Đảng và của pháp luật về viên chức.

d) Chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày công bố kết quả cuối cùng của kỳ xét thăng hạng, Ban giám sát có trách nhiệm báo cáo Hiệu trưởng về kết quả hoạt động của Ban giám sát.

4. Nội dung giám sát gồm: Việc thực hiện các quy định của pháp luật về tổ chức xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; về thực hiện quy chế và nội quy theo quy định; về thực hiện chức trách, nhiệm vụ của các thành viên Hội đồng xét thăng hạng; sự phù hợp giữa văn bản được hướng dẫn ban hành với quy định của pháp luật có liên quan.

5. Địa điểm giám sát: Tại địa điểm làm việc của Hội đồng xét thăng hạng và địa điểm tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

6. Tiêu chuẩn thành viên Ban giám sát.

a) Thành viên Ban giám sát là viên chức của Trường do Hiệu trưởng quyết định.

b) Không bố trí những người tham gia làm thành viên Hội đồng xét thăng hạng làm thành viên Ban giám sát.

c) Không bố trí những người có quan hệ vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ; cha, mẹ (vợ hoặc chồng), cha nuôi, mẹ nuôi; con đẻ, con nuôi; anh, chị, em ruột; cô, dì, chú, bác, cậu ruột; anh, chị, em ruột của vợ hoặc chồng; vợ hoặc chồng của anh, chị, em ruột của người của người dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức; những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật; những người đã bị xử lý về hành vi tham nhũng, tiêu cực hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật làm thành viên Ban giám sát.

7. Trường hợp thành viên Ban giám sát không thực hiện đúng chức trách, nhiệm vụ được giao hoặc can thiệp vào công việc của các thành viên Hội đồng xét thăng hạng với động cơ, mục đích cá nhân thì thành viên Hội đồng xét thăng hạng có quyền đề nghị Trường ban Ban giám sát đình chỉ việc thực hiện nhiệm vụ; đồng thời Trường ban Ban giám sát có trách nhiệm báo cáo Hiệu trưởng xem xét, xử lý trách nhiệm theo quy định của Đảng và của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.

Chương III

TỔ CHỨC XÉT THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC

Điều 9. Chuẩn bị tổ chức xét thăng hạng

Căn cứ quy định hiện hành về tiêu chuẩn, điều kiện đăng ký dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, Chủ tịch Hội đồng quyết định cụ thể cách thức tổ chức thẩm định hồ sơ, Phiếu thẩm định hồ sơ và các biểu mẫu phục vụ việc thẩm định hồ sơ; phải bảo đảm tính chính xác, công bằng, khách quan, khoa học và đúng quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức thẩm định hồ sơ dự xét thăng hạng

1. Căn cứ số lượng hồ sơ dự xét, tính chất hoạt động nghề nghiệp, tiêu chuẩn, điều kiện xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức của Trường trực tiếp tổ chức thẩm định hồ sơ theo quy định tại Điều 24 Thông tư số 01/2025/TT-BNV ngày 17/3/2025 của Bộ Nội vụ; không thành lập Ban thẩm định hồ sơ.

2. Hội đồng tổ chức họp để tiến hành thẩm định từng hồ sơ dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức. Các thành viên Hội đồng nghiên cứu hồ sơ và thực hiện thẩm định, đánh giá mức độ đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện của viên chức theo chức danh nghề nghiệp đăng ký xét thăng hạng.

3. Việc thẩm định hồ sơ được thực hiện thông qua Phiếu thẩm định hồ sơ (theo thang điểm) do Chủ tịch Hội đồng ban hành. Mỗi thành viên Hội đồng chấm điểm độc lập đối với từng hồ sơ dự xét.

4. Kết quả thẩm định hồ sơ là điểm trung bình cộng của các thành viên Hội đồng tham gia chấm điểm; trường hợp có chênh lệch lớn về điểm số, Chủ tịch Hội đồng tổ chức trao đổi, xem xét để thống nhất kết quả.

5. Kết quả chấm điểm của từng hồ sơ được tổng hợp vào Bảng tổng hợp kết quả thẩm định hồ sơ, có chữ ký của các thành viên Hội đồng tham gia và Chủ tịch Hội đồng.

6. Căn cứ kết quả thẩm định hồ sơ, Hội đồng lập danh sách viên chức đủ điều kiện và đề xuất danh sách xét thăng hạng theo chỉ tiêu được phê duyệt, báo cáo Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

Điều 11. Thang điểm thẩm định hồ sơ xét thăng hạng

1. Hồ sơ xét thăng hạng được chấm theo thang điểm đính kèm (Thang điểm đã được cụ thể hoá các tiêu chuẩn, điều kiện theo định để làm căn cứ xác định viên chức trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng, trong đó có điểm cộng đối với viên chức có thành tích cao hơn trọng hoạt động nghề nghiệp đã được cấp có thẩm quyền công nhận;

2. Hồ sơ được xác định là khi đạt đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định, cụ thể căn cứ các bảng điểm (đính kèm).

3. Điểm chấm là căn cứ để xem xét, xếp thứ tự ưu tiên trong trường hợp số lượng đủ điều kiện vượt chỉ tiêu được phê duyệt.

Điều 12. Tổng hợp, quyết định kết quả xét thăng hạng

1. Thư ký Hội đồng xét thăng hạng có trách nhiệm tổng hợp kết quả xét thăng hạng của các viên chức dự xét để báo cáo Chủ tịch Hội đồng xét thăng hạng.

2. Chủ tịch Hội đồng tổ chức họp Hội đồng để xem xét kết quả xét thăng hạng; các thành viên của Hội đồng trao đổi, thảo luận công khai, dân chủ về kết quả xét thăng hạng; thống nhất kết quả kỳ xét thăng hạng và danh sách viên chức trúng tuyển.

3. Chủ tịch Hội đồng báo cáo Hiệu trưởng xem xét đề nghị cấp có thẩm quyền, quyết định phê duyệt danh sách viên chức trúng tuyển theo quy định.

4. Việc xác định người trúng tuyển trong kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Quy chế này.

Điều 13. Giải quyết khiếu nại, tố cáo

Trong quá trình tổ chức kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, việc giải quyết đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo, cụ thể:

1. Trường hợp đơn thư phản ánh, kiến nghị, tố cáo về Chủ tịch Hội đồng, các thành viên Hội đồng thì Hiệu trưởng xem xét, giải quyết.

2. Trường hợp Hiệu trưởng là Chủ tịch Hội đồng thì người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên có thẩm quyền quản lý viên chức xem xét, giải quyết.

3. Trường hợp đơn thư phản ánh, kiến nghị, tố cáo về các bộ phận giúp việc của Hội đồng hoặc về kết quả kỳ xét thì Hội đồng xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

4. Trường hợp có đơn thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo về các nội dung liên quan đến kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức sau khi Hội đồng đã giải thể thì Hiệu trưởng xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 14. Lưu trữ tài liệu

1. Hồ sơ, tài liệu về kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức bao gồm: Các văn bản về tổ chức thực hiện; biên bản các cuộc họp Hội đồng; danh sách tổng hợp người đủ điều kiện dự xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức (hồ sơ của viên chức dự xét, phiếu thẩm định hồ sơ); bảng tổng hợp kết quả xét; biên bản lập về các vi phạm quy chế, nội quy (nếu có); quyết định công nhận kết quả thi, xét; quyết định giải quyết khiếu nại, tố cáo (nếu có) và các loại biên bản, văn bản, tài liệu khác liên quan đến kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức.

2. Trong thời hạn 01 năm kể từ ngày kết thúc kỳ xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, Ủy viên kiêm Thư ký Hội đồng chịu trách nhiệm bàn giao toàn bộ hồ sơ, tài liệu quy định tại khoản 1 Điều này để tổ chức lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ./.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

1. Hội đồng xét thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức năm 2026 và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quy chế này.

2. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc chưa phù hợp đề nghị các đơn vị và cá nhân phản ánh thông qua Phòng Hành chính Tổng hợp để sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp./.